

Danh mục cổ phiếu thành phần Chỉ số VNX 50
kỳ tháng 04/2019

Từ 06/05/2019 đến 01/11/2019

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	ACB	HNX	Ngân hàng TMCP Á Châu	1.247.165.130	95%	100%
2	BMP	HOSE	CTCP Nhựa Bình Minh	81.860.938	45%	100%
3	BVH	HOSE	Tập Đoàn Bảo Việt	700.886.434	8%	100%
4	CII	HOSE	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	247.713.403	70%	100%
5	CTD	HOSE	CTCP Xây Dựng Coteccons	76.378.873	55%	100%
6	CTG	HOSE	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.723.404.556	8%	100%
7	DHG	HOSE	CTCP Dược Hậu Giang	130.746.071	25%	100%
8	DPM	HOSE	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP	391.334.260	40%	100%
9	DXG	HOSE	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	349.821.356	75%	100%
10	EIB	HOSE	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1.229.432.904	85%	100%
11	FLC	HOSE	CTCP Tập Đoàn FLC	709.997.807	80%	100%
12	FPT	HOSE	CTCP FPT	613.554.396	80%	100%
13	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	1.913.950.000	5%	100%
14	GEX	HOSE	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	406.560.000	75%	100%
15	GMD	HOSE	CTCP GEMADEPT	296.924.957	85%	100%
16	HBC	HOSE	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	196.074.977	75%	100%
17	HCM	HOSE	CTCP Chứng Khoán TP.HCM	302.293.058	40%	100%
18	HDB	HOSE	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	980.999.771	70%	100%
19	HPG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	2.123.907.166	60%	100%
20	HSG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	384.828.828	60%	100%
21	KBC	HOSE	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	469.760.189	75%	100%
22	MBB	HOSE	Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.113.398.401	60%	100%
23	MSN	HOSE	CTCP Tập Đoàn Masan	1.163.149.548	40%	100%
24	MWG	HOSE	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	442.938.986	65%	100%
25	NLG	HOSE	CTCP Đầu tư Nam Long	239.136.918	55%	100%
26	NVL	HOSE	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	930.446.674	35%	100%
27	PDR	HOSE	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	266.389.007	40%	100%
28	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.170.813.235	7%	100%
29	PNJ	HOSE	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	167.002.273	80%	100%
30	PVD	HOSE	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	382.850.160	50%	100%
31	PVS	HNX	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam	477.966.290	50%	100%
32	REE	HOSE	CTCP Cơ Điện Lạnh	310.050.926	55%	100%
33	ROS	HOSE	CTCP Xây dựng FLC Faros	567.598.121	30%	100%
34	SAB	HOSE	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	641.281.186	11%	100%
35	SBT	HOSE	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa	525.139.652	50%	100%
36	SHB	HNX	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.203.616.110	85%	100%

37	SSI	HOSE	CTCP Chứng Khoán SSI	509.170.288	60%	100%
38	STB	HOSE	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.803.653.429	95%	100%
39	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3.496.592.160	65%	100%
40	TCH	HOSE	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	353.271.564	55%	100%
41	VCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.708.877.448	8%	100%
42	VCG	HNX	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam	441.710.673	14%	100%
43	VCS	HNX	CTCP VICOSTONE	156.800.000	20%	100%
44	VGC	HNX	Tổng Công ty Viglacera -CTCP	448.350.000	40%	100%
45	VHM	HOSE	CTCP Vinhomes	3.349.513.918	25%	100%
46	VIC	HOSE	Tập Đoàn Vingroup -CTCP	3.191.621.230	30%	80,12%
47	VJC	HOSE	CTCP Hàng không Vietjet	541.611.334	50%	100%
48	VNM	HOSE	CTCP Sữa Việt Nam	1.741.407.855	50%	73,49%
49	VPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	2.456.748.366	70%	100%
50	VRE	HOSE	CTCP Vincom Retail	2.328.818.410	45%	100%

DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ PHÒNG CỦA CHỈ SỐ VNX 50
KỲ THÁNG 04/2019

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	VHC	HOSE	CTCP Vĩnh Hoàn	92.403.943	45%
2	FRT	HOSE	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	68.000.000	45%
3	DIG	HOSE	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	300.123.747	65%
4	VND	HOSE	CTCP Chứng khoán Vndirect	208.565.410	70%
5	PHR	HOSE	CTCP Cao Su Phước Hòa	135.499.198	35%
6	BWE	HOSE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	150.000.000	30%
7	ANV	HOSE	CTCP Nam Việt (Navico)	127.144.875	25%
8	LDG	HOSE	CTCP Đầu Tư LDG	190.551.914	45%
9	AAA	HOSE	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	171.199.976	55%
10	GTN	HOSE	CTCP GTNFOODS	250.000.000	50%

Danh mục cổ phiếu thành phần Chỉ số VNX Allshare **kỳ tháng 04/2019**

Từ 06/05/2019 đến 01/11/2019

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
1	AAA	HOSE	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	171.199.976	55%	100%
2	AAV	HNX	CTCP Việt Tiên Sơn Địa ốc	14.374.996	45%	100%
3	ABT	HOSE	CTCP XNK Thủy Sản Bến Tre	11.497.257	11%	100%
4	ACB	HNX	Ngân hàng TMCP Á Châu	1.247.165.130	95%	100%
5	ACL	HOSE	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang	22.799.675	25%	100%
6	ACM	HNX	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường	51.000.000	95%	100%
7	ADS	HOSE	CTCP DAMSAN	25.517.801	40%	100%
8	AGM	HOSE	CTCP Xuất Nhập Khẩu An Giang	18.200.000	20%	100%
9	AGR	HOSE	CTCP Chứng khoán Argibank	211.199.953	25%	100%
10	AMC	HNX	CTCP Khoáng sản Á Châu	2.850.000	60%	100%
11	AMD	HOSE	CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD	163.504.874	100%	100%
12	AMV	HNX	CTCP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	27.115.750	65%	100%
13	ANV	HOSE	CTCP Nam Việt (Navico)	127.144.875	25%	100%
14	APC	HOSE	CTCP Chiếu Xạ An Phú	11.804.030	45%	100%
15	APG	HOSE	CTCP Chứng Khoán An Phát	34.028.900	40%	100%
16	APS	HNX	CTCP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	39.000.000	90%	100%
17	ASM	HOSE	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	258.869.222	55%	100%
18	ASP	HOSE	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí Anpha	37.339.542	40%	100%
19	AST	HOSE	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	36.000.000	20%	100%
20	ATS	HNX	CTCP Suất ăn công nghiệp Atesco	3.500.000	55%	100%
21	BCC	HNX	CTCP Xi măng Bim Sơn	110.010.054	30%	100%
22	BCE	HOSE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	30.000.000	45%	100%
23	BCG	HOSE	CTCP Bamboo Capital	108.005.760	70%	100%
24	BFC	HOSE	CTCP Phân bón Bình Điền	57.167.993	35%	100%
25	BIC	HOSE	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	117.276.895	15%	100%
26	BII	HNX	CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thù	57.680.000	75%	100%
27	BMC	HOSE	CTCP Khoáng Sản Bình Định	12.392.630	55%	100%
28	BMI	HOSE	Tổng CTCP Bảo Minh	91.354.037	30%	100%
29	BMP	HOSE	CTCP Nhựa Bình Minh	81.860.938	45%	100%
30	BSI	HOSE	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	110.968.495	25%	100%
31	BTP	HOSE	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa	60.485.600	20%	100%
32	BVH	HOSE	Tập Đoàn Bảo Việt	700.886.434	8%	100%
33	BVS	HNX	CTCP Chứng khoán Bảo Việt	72.233.937	40%	100%
34	BWE	HOSE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương	150.000.000	30%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
35	C32	HOSE	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2	15.030.145	85%	100%
36	C69	HNX	CTCP Xây dựng 1369	10.000.000	35%	100%
37	CAP	HNX	CTCP lâm nông sản thực phẩm Yên Bái	4.760.088	80%	100%
38	CAV	HOSE	CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam	57.600.000	6%	100%
39	CCL	HOSE	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	47.499.885	70%	100%
40	CEE	HOSE	CTCP Xây dựng hạ tầng CII	39.500.000	40%	100%
41	CEO	HNX	CTCP Tập đoàn C.E.O	154.403.991	75%	100%
42	CET	HNX	CTCP Tech - Vina	6.050.000	60%	100%
43	CHP	HOSE	CTCP Thủy Điện Miền Trung	138.598.505	35%	100%
44	CIA	HNX	CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	11.099.982	45%	100%
45	CII	HOSE	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	247.713.403	70%	100%
46	CLC	HOSE	CTCP Cát Lợi	26.207.583	45%	100%
47	CLG	HOSE	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec	21.150.000	35%	100%
48	CMG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC	72.055.210	50%	100%
49	CMS	HNX	CTCP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	17.200.000	65%	100%
50	CMX	HOSE	CTCP Camimex Group	13.221.234	50%	100%
51	CNG	HOSE	CTCP CNG Việt Nam	26.999.673	45%	100%
52	CRC	HOSE	CTCP Create Capital Việt Nam	15.000.000	80%	100%
53	CRE	HOSE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ	79.999.892	50%	100%
54	CSC	HNX	CTCP Tập đoàn COTANA	20.500.000	30%	100%
55	CSM	HOSE	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103.625.262	50%	100%
56	CSV	HOSE	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	44.200.000	25%	100%
57	CTD	HOSE	CTCP Xây Dựng Cotecons	76.378.873	55%	100%
58	CTF	HOSE	CTCP City Auto	39.600.000	45%	100%
59	CTG	HOSE	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.723.404.556	8%	100%
60	CTI	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico	62.999.997	85%	100%
61	CTP	HNX	CTCP Cà Phê Thương Phú	12.099.992	50%	100%
62	CTS	HOSE	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	106.399.631	25%	100%
63	CVN	HNX	CTCP VINAM	8.250.000	50%	100%
64	CVT	HOSE	CTCP CMC	36.690.887	80%	100%
65	D2D	HOSE	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	10.654.984	45%	100%
66	DAG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Nhựa Đông Á	51.793.792	55%	100%
67	DAH	HOSE	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	34.200.000	70%	100%
68	DBC	HNX	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	91.100.311	80%	100%
69	DBD	HOSE	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	52.378.915	80%	100%
70	DBT	HNX	CTCP Dược phẩm Bến Tre	12.314.494	55%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
71	DCL	HOSE	CTCP Dược Phẩm Cửu Long	56.832.824	30%	100%
72	DCM	HOSE	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	529.400.000	25%	100%
73	DCS	HNX	CTCP Tập Đoàn Đại Châu	60.309.533	95%	100%
74	DGC	HNX	CTCP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	107.802.938	60%	100%
75	DGW	HOSE	CTCP Thế Giới Số	40.600.278	45%	100%
76	DHA	HOSE	CTCP Hóa An	14.726.073	55%	100%
77	DHC	HOSE	CTCP Đông hải Bến Tre	44.797.526	55%	100%
78	DHG	HOSE	CTCP Dược Hậu Giang	130.746.071	25%	100%
79	DHM	HOSE	CTCP TM và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	31.396.180	65%	100%
80	DHT	HNX	CTCP Dược phẩm Hà Tây	18.844.772	60%	100%
81	DIC	HOSE	CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC	26.084.560	85%	100%
82	DIG	HOSE	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	300.123.747	65%	100%
83	DLG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	299.309.720	80%	100%
84	DNP	HNX	CTCP Nhựa Đồng Nai	99.999.725	45%	100%
85	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	7.650.000	50%	100%
86	DPG	HOSE	CTCP Đạt Phương	29.999.962	55%	100%
87	DPM	HOSE	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP	391.334.260	40%	100%
88	DPR	HOSE	CTCP Cao Su Đồng Phú	40.124.790	45%	100%
89	DPS	HNX	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn	31.085.257	100%	100%
90	DQC	HOSE	CTCP Bóng đèn Điện Quang	27.558.066	45%	100%
91	DRC	HOSE	CTCP Cao Su Đà Nẵng	118.792.605	50%	100%
92	DRH	HOSE	CTCP DRH Holdings	60.989.933	95%	100%
93	DS3	HNX	CTCP Quản lý Đường sông số 3	10.669.730	75%	100%
94	DSN	HOSE	CTCP Công Viên Nước Đàm Sen	12.083.009	60%	100%
95	DST	HNX	CTCP Đầu tư Sao Thăng Long	32.300.000	100%	100%
96	DTA	HOSE	CTCP Đệ Tam	17.200.000	45%	100%
97	DTD	HNX	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	22.000.000	70%	100%
98	DVP	HOSE	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Cảng Đình Vũ	40.000.000	30%	100%
99	DXG	HOSE	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	349.821.356	75%	100%
100	DXP	HNX	CTCP Cảng Đoạn Xá	25.987.027	45%	100%
101	EIB	HOSE	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1.229.432.904	85%	100%
102	ELC	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn thông	50.618.648	45%	100%
103	EVE	HOSE	CTCP Everpia Việt Nam	38.047.973	85%	100%
104	EVG	HOSE	CTCP Đầu tư Everland	60.000.000	45%	100%
105	FCM	HOSE	CTCP Khoáng sản FECON	41.000.000	40%	100%
106	FCN	HOSE	CTCP Fecon	94.344.562	80%	100%
107	FIT	HOSE	CTCP Tập đoàn F.I.T	254.730.247	35%	100%
108	FLC	HOSE	CTCP Tập Đoàn FLC	709.997.807	80%	100%
109	FMC	HOSE	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	40.200.000	30%	100%
110	FPT	HOSE	CTCP FPT	613.554.396	80%	100%
111	FRT	HOSE	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	68.000.000	45%	100%
112	FTM	HOSE	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	50.000.000	13%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
113	FTS	HOSE	CTCP Chứng khoán FPT	109.313.374	55%	100%
114	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	1.913.950.000	5%	100%
115	GDT	HOSE	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành	17.053.958	50%	100%
116	GEX	HOSE	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	406.560.000	75%	100%
117	GIL	HOSE	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh	19.075.825	70%	100%
118	GKM	HNX	CTCP Gạch Khang Minh	14.175.000	70%	100%
119	GMC	HOSE	CTCP SX TM May Sài Gòn	15.506.360	45%	100%
120	GMD	HOSE	CTCP GEMADEPT	296.924.957	85%	100%
121	GSP	HOSE	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	30.000.000	30%	100%
122	GTA	HOSE	CTCP Chế Biến Gỗ Thuận An	9.830.000	25%	100%
123	GTN	HOSE	CTCP GTNFOODS	250.000.000	50%	100%
124	HAD	HNX	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương	4.000.000	45%	100%
125	HAG	HOSE	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	927.399.283	65%	100%
126	HAH	HOSE	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	48.209.698	65%	100%
127	HAP	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hapaco	55.471.151	85%	100%
128	HAR	HOSE	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền	101.350.100	70%	100%
129	HAT	HNX	CTCP Thương mại Bia Hà Nội	3.123.000	40%	100%
130	HAX	HOSE	CTCP Dịch Vụ Ôtô Hàng Xanh	34.879.129	60%	100%
131	HBC	HOSE	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	196.074.977	75%	100%
132	HCC	HNX	CTCP Bê tông Hòa Cầm - Intimex	6.518.547	40%	100%
133	HCD	HOSE	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	27.000.000	85%	100%
134	HCM	HOSE	CTCP Chứng Khoán TPHCM	302.293.058	40%	100%
135	HDA	HNX	CTCP Hãng sơn Đông Á	11.500.000	90%	100%
136	HDB	HOSE	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	980.999.771	70%	100%
137	HDC	HOSE	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	49.954.487	85%	100%
138	HDG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	94.919.409	55%	100%
139	HHG	HNX	CTCP Hoàng Hà	34.896.354	90%	100%
140	HHP	HNX	CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	10.000.000	80%	100%
141	HHS	HOSE	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy	249.744.063	55%	100%
142	HII	HOSE	CTCP An Tiến Industries	27.850.000	50%	100%
143	HLD	HNX	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	20.000.000	40%	100%
144	HLG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hoàng Long	44.225.385	20%	100%
145	HMC	HOSE	CTCP Kim Khí TPHCM - VNSTEEL	21.000.000	35%	100%
146	HMH	HNX	CTCP Hải Minh	12.908.447	90%	100%
147	HNG	HOSE	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	886.843.895	40%	100%
148	HOT	HOSE	CTCP Du Lịch Dịch Vụ Hội An	7.999.937	25%	100%
149	HPG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	2.123.907.166	60%	100%
150	HPX	HOSE	CTCP Đầu tư Hải Phát	199.996.305	40%	100%
151	HQC	HOSE	CTCP TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân	476.599.274	85%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
152	HRC	HOSE	CTCP Cao Su Hòa Bình	30.206.622	40%	100%
153	HSG	HOSE	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	384.828.828	60%	100%
154	HSL	HOSE	CTCP Chế biến nông sản Hồng Hà Sơn La	15.749.956	70%	100%
155	HT1	HOSE	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1	381.541.911	20%	100%
156	HTI	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico	24.949.200	40%	100%
157	HTL	HOSE	CTCP Kỹ Thuật và Ôtô Trường Long	12.000.000	13%	100%
158	HTT	HOSE	CTCP Thương mại Hà Tây	20.000.000	100%	100%
159	HU3	HOSE	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD3	9.999.944	40%	100%
160	HUT	HNX	CTCP Tasco	268.631.965	80%	100%
161	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Tri	10.988.059	30%	100%
162	IBC	HOSE	CTCP Đầu tư Apax Holdings	68.880.000	25%	100%
163	ICG	HNX	CTCP Xây dựng Sông Hồng	17.572.000	75%	100%
164	IDI	HOSE	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I	197.953.420	50%	100%
165	IDJ	HNX	CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam	32.600.000	100%	100%
166	IDV	HNX	CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	16.704.051	60%	100%
167	IJC	HOSE	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật	137.097.323	20%	100%
168	IMP	HOSE	CTCP Dược Phẩm Imexpharm	49.401.359	75%	100%
169	INN	HNX	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	18.000.000	65%	100%
170	ITA	HOSE	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo	938.321.575	65%	100%
171	ITC	HOSE	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	68.646.328	50%	100%
172	ITD	HOSE	CTCP Công Nghệ Tiên Phong	18.992.610	70%	100%
173	ITQ	HNX	CTCP Tập đoàn Thiên Quang	23.843.305	90%	100%
174	IVS	HNX	CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	34.000.000	60%	100%
175	JVC	HOSE	CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật	112.500.171	95%	100%
176	KBC	HOSE	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP	469.760.189	75%	100%
177	KDC	HOSE	CTCP Tập Đoàn KIDO	205.661.141	60%	100%
178	KDH	HOSE	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	414.023.353	60%	100%
179	KHP	HOSE	CTCP Điện Lực Khánh Hòa	40.051.296	50%	100%
180	KHS	HNX	CTCP Kiên Hùng	10.700.000	35%	100%
181	KKC	HNX	CTCP Kim khí KKC	4.692.300	70%	100%
182	KLF	HNX	CTCP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	165.352.561	100%	100%
183	KMR	HOSE	CTCP Mirae	56.877.807	55%	100%
184	KPF	HOSE	CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng	17.160.000	25%	100%
185	KSB	HOSE	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	53.779.882	70%	100%
186	KSD	HNX	CTCP Đầu tư DNA	12.000.000	25%	100%
187	KSQ	HNX	CTCP CNC Capital Việt Nam	30.000.000	85%	100%
188	KVC	HNX	CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	49.500.000	90%	100%
189	L10	HOSE	CTCP Lilama 10	9.790.000	40%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
190	L14	HNX	CTCP Licogi 14	14.949.180	65%	100%
191	L35	HNX	CTCP Cơ khí lắp máy Lilama	3.265.155	35%	100%
192	LAS	HNX	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	112.856.400	35%	100%
193	LCG	HOSE	CTCP Licogi 16	97.999.662	90%	100%
194	LDG	HOSE	CTCP Đầu Tư LDG	190.551.914	45%	100%
195	LDP	HNX	CTCP Dược Lâm Đồng - Ladophar	7.829.926	20%	100%
196	LGL	HOSE	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang	49.997.100	50%	100%
197	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	3.600.000	70%	100%
198	LHG	HOSE	CTCP Long Hậu	50.012.010	50%	100%
199	LIG	HNX	CTCP Licogi 13	42.734.124	85%	100%
200	LIX	HOSE	CTCP Bột Giặt Lix	32.400.000	50%	100%
201	LM7	HNX	CTCP Lilama 7	5.000.000	50%	100%
202	LM8	HOSE	CTCP Lilama 18	9.388.682	40%	100%
203	LSS	HOSE	CTCP Mía Đường Lam Sơn	66.994.950	50%	100%
204	LUT	HNX	CTCP Đầu tư Xây dựng Lương Tài	14.960.000	40%	100%
205	MAS	HNX	CTCP Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Đà Nẵng	4.267.683	60%	100%
206	MBB	HOSE	Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.113.398.401	60%	100%
207	MBG	HNX	CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam	41.840.000	45%	100%
208	MBS	HNX	CTCP Chứng khoán MB	122.124.280	25%	100%
209	MCO	HNX	CTCP Đầu tư & Xây dựng BDC Việt Nam	4.103.929	50%	100%
210	MDC	HNX	CTCP Than Mông Dương - Vinacomin	21.418.346	30%	100%
211	MHC	HOSE	CTCP MHC	37.643.776	80%	100%
212	MPT	HNX	CTCP Tập đoàn Trường Tiền	15.552.000	75%	100%
213	MSN	HOSE	CTCP Tập Đoàn Masan	1.163.149.548	40%	100%
214	MST	HNX	CTCP Xây dựng 1.1.6.8	20.519.986	45%	100%
215	MWG	HOSE	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	442.938.986	65%	100%
216	NAF	HOSE	CTCP Nafoods Group	36.299.720	65%	100%
217	NAG	HNX	CTCP Tập Đoàn Nagakawa	14.849.578	45%	100%
218	NAV	HOSE	CTCP Nam Việt (Navifico)	7.999.980	55%	100%
219	NBB	HOSE	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy	97.432.174	45%	100%
220	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	36.999.124	35%	100%
221	NBP	HNX	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	12.865.500	25%	100%
222	NCT	HOSE	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26.165.732	35%	100%
223	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng	44.432.398	90%	100%
224	NDX	HNX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	5.687.557	55%	100%
225	NET	HNX	CTCP Bột Giặt NET	22.398.374	50%	100%
226	NHA	HNX	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nam Hà Nội	15.051.525	65%	100%
227	NKG	HOSE	CTCP Thép Nam Kim	181.999.868	65%	100%
228	NLG	HOSE	CTCP Đầu tư Nam Long	239.136.918	55%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
229	NNC	HOSE	CTCP Đá Núi Nhỏ	21.920.000	45%	100%
230	NRC	HNX	CTCP Bất động sản Netland	21.000.000	25%	100%
231	NSC	HOSE	CTCP Tập đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam	17.574.516	20%	100%
232	NSH	HNX	CTCP Nhôm Sông Hồng	20.693.437	55%	100%
233	NT2	HOSE	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287.876.029	30%	100%
234	NTL	HOSE	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm	60.989.950	50%	100%
235	NTP	HNX	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong	89.240.302	30%	100%
236	NVB	HNX	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	297.669.552	90%	100%
237	NVL	HOSE	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	930.446.674	35%	100%
238	NVT	HOSE	CTCP Bất Động Sản Du Lịch Ninh Vân Bay	90.500.000	95%	100%
239	PAC	HOSE	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam	46.471.707	40%	100%
240	PAN	HOSE	CTCP Tập Đoàn PAN	170.101.141	35%	100%
241	PC1	HOSE	CTCP Xây Lắp Điện I	132.769.862	60%	100%
242	PDB	HNX	CTCP Pacific Dinco	8.909.981	55%	100%
243	PDR	HOSE	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	266.389.007	40%	100%
244	PET	HOSE	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	85.009.814	70%	100%
245	PGC	HOSE	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP	60.339.285	30%	100%
246	PGD	HOSE	CTCP Phân Phối Khí Thấp Áp Dầu Khí Việt Nam	89.998.070	25%	100%
247	PHC	HOSE	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holding	23.407.755	75%	100%
248	PHR	HOSE	CTCP Cao Su Phước Hòa	135.499.198	35%	100%
249	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	80.797.566	25%	100%
250	PLP	HOSE	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	16.500.000	50%	100%
251	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.170.813.235	7%	100%
252	PMC	HNX	CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic	9.332.573	60%	100%
253	PME	HOSE	CTCP PYMEPHARCO	75.011.625	20%	100%
254	PMG	HOSE	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	37.949.847	45%	100%
255	PMS	HNX	CTCP Cơ khí xăng dầu	7.201.772	40%	100%
256	PNJ	HOSE	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	167.002.273	80%	100%
257	POM	HOSE	CTCP Thép Pomina	242.212.162	12%	100%
258	PPC	HOSE	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	320.613.054	25%	100%
259	PPS	HNX	CTCP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	15.000.000	35%	100%
260	PTB	HOSE	CTCP Phú Tài	48.599.441	60%	100%
261	PV2	HNX	CTCP Đầu tư PV2	36.868.800	50%	100%
262	PVB	HNX	CTCP Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	21.599.998	50%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
263	PVC	HNX	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí -CTCP	50.000.000	55%	100%
264	PVD	HOSE	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	382.850.160	50%	100%
265	PVG	HNX	CTCP Kinh doanh Khí miền Bắc	27.719.850	65%	100%
266	PVI	HNX	CTCP PVI	231.108.947	10%	100%
267	PVS	HNX	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam	477.966.290	50%	100%
268	PVT	HOSE	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	281.440.162	45%	100%
269	PXS	HOSE	CTCP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	59.999.998	40%	100%
270	QBS	HOSE	CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình	69.329.928	80%	100%
271	RAL	HOSE	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông	11.500.000	35%	100%
272	RDP	HOSE	CTCP Nhựa Rạng Đông	33.942.862	40%	100%
273	REE	HOSE	CTCP Cơ Điện Lạnh	310.050.926	55%	100%
274	ROS	HOSE	CTCP Xây dựng FLC Faros	567.598.121	30%	100%
275	S55	HNX	CTCP Sông Đà 505	10.000.000	75%	100%
276	S99	HNX	CTCP SCI	40.790.714	95%	100%
277	SAB	HOSE	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	641.281.186	11%	100%
278	SAM	HOSE	CTCP SAM HOLDINGS	249.036.263	100%	100%
279	SAV	HOSE	CTCP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	12.884.116	40%	100%
280	SBA	HOSE	CTCP Sông Ba	60.288.271	60%	100%
281	SBT	HOSE	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa	525.139.652	50%	100%
282	SBV	HOSE	CTCP Siam Brothers Việt Nam	27.306.476	30%	100%
283	SCD	HOSE	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương	8.477.640	35%	100%
284	SCR	HOSE	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	339.221.486	60%	100%
285	SCS	HOSE	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	49.985.700	30%	100%
286	SD2	HNX	CTCP Sông Đà 2	14.423.536	55%	100%
287	SD6	HNX	CTCP Sông Đà 6	34.771.611	35%	100%
288	SD9	HNX	CTCP Sông Đà 9	34.234.000	45%	100%
289	SDD	HNX	CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông đà	16.007.685	85%	100%
290	SEB	HNX	CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG	31.999.969	15%	100%
291	SFG	HOSE	CTCP Phân bón Miền Nam	47.897.333	30%	100%
292	SFN	HNX	CTCP Dệt lưới Sài Gòn	2.864.150	50%	100%
293	SGN	HOSE	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	23.966.152	20%	100%
294	SHA	HOSE	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	27.579.200	80%	100%
295	SHB	HNX	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.203.616.110	85%	100%
296	SHI	HOSE	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	85.068.477	50%	100%
297	SHN	HNX	CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	129.607.147	90%	100%
298	SHS	HNX	CTCP chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	131.744.592	90%	100%
299	SIC	HNX	CTCP ANI	19.999.491	60%	100%
300	SJD	HOSE	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68.998.620	50%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
301	SJF	HOSE	CTCP Đầu tư Sao Thái Dương	79.200.000	70%	100%
302	SJS	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà	113.897.480	50%	100%
303	SKG	HOSE	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang	57.574.956	65%	100%
304	SLS	HNX	CTCP Mía đường Sơn La	9.791.945	60%	100%
305	SMA	HOSE	CTCP Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn	19.021.499	85%	100%
306	SMB	HOSE	CTCP Bìa Sài Gòn - Miền Trung	29.846.648	40%	100%
307	SMC	HOSE	CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC	54.998.360	40%	100%
308	SPI	HNX	CTCP SPI	16.815.000	100%	100%
309	SRA	HNX	CTCP SARA Việt Nam	18.000.000	100%	100%
310	SRC	HOSE	CTCP Cao Su Sao Vàng	28.063.368	45%	100%
311	SRF	HOSE	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh	30.715.397	25%	100%
312	SSI	HOSE	CTCP Chứng Khoán SSI	509.170.288	60%	100%
313	ST8	HOSE	CTCP Siêu Thanh	25.720.902	20%	100%
314	STB	HOSE	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.803.653.429	95%	100%
315	STK	HOSE	CTCP Sợi Thế Kỷ	70.127.224	50%	100%
316	SVC	HOSE	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn	24.975.507	60%	100%
317	SZL	HOSE	CTCP Sonadezi Long Thành	18.190.900	35%	100%
318	TAC	HOSE	CTCP Dầu Thực Vật Tường An	33.876.148	11%	100%
319	TC6	HNX	CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin	32.496.105	35%	100%
320	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3.496.592.160	65%	100%
321	TCD	HOSE	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	38.230.192	35%	100%
322	TCH	HOSE	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	353.271.564	55%	100%
323	TCL	HOSE	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	20.943.893	50%	100%
324	TCM	HOSE	CTCP Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công	54.129.605	60%	100%
325	TCS	HNX	CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin	26.846.773	40%	100%
326	TCT	HOSE	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	12.788.000	35%	100%
327	TDC	HOSE	CTCP KD VÀ PT Bình Dương	100.000.000	40%	100%
328	TDG	HOSE	CTCP Dầu khí Thái Dương	16.770.000	95%	100%
329	TDH	HOSE	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức	81.634.927	90%	100%
330	TDN	HNX	CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin	29.439.097	30%	100%
331	TDT	HNX	CTCP Đầu tư và Phát triển TDT	8.015.040	70%	100%
332	TEG	HOSE	CTCP BĐS và Xây dựng Trường Thành	29.439.856	45%	100%
333	TFC	HNX	CTCP Trang	16.829.994	35%	100%
334	TGG	HOSE	CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang	27.299.990	55%	100%
335	THG	HOSE	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang	13.199.769	80%	100%
336	THI	HOSE	CTCP Thiết bị điện	44.000.000	14%	100%
337	THT	HNX	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin	24.569.052	35%	100%
338	TIG	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	82.650.277	85%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
339	TJC	HNX	CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	8.600.000	30%	100%
340	TLD	HOSE	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	18.719.788	70%	100%
341	TLH	HOSE	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	100.650.621	60%	100%
342	TMP	HOSE	CTCP Thủy Điện Thác Mơ	70.000.000	6%	100%
343	TMS	HOSE	CTCP Transimex	47.508.888	45%	100%
344	TMT	HOSE	CTCP Ôtô TMT	36.877.980	25%	100%
345	TNA	HOSE	CTCP TM XNK Thiên Nam	29.782.342	45%	100%
346	TNG	HNX	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	49.340.180	70%	100%
347	TNI	HOSE	CTCP Tập đoàn Thành Nam	52.500.000	85%	100%
348	TNT	HOSE	CTCP Tài Nguyên	25.500.000	95%	100%
349	TPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	850.573.150	55%	100%
350	TRA	HOSE	CTCP Traphaco	41.450.540	65%	100%
351	TRC	HOSE	CTCP Cao Su Tây Ninh	29.125.000	40%	100%
352	TS4	HOSE	CTCP Thủy Sản Số 4	16.051.594	30%	100%
353	TST	HNX	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	4.800.000	65%	100%
354	TTB	HOSE	CTCP Tập đoàn Tiên B	46.826.954	60%	100%
355	TTF	HOSE	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	214.607.376	85%	100%
356	TTH	HNX	CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	29.899.981	80%	100%
357	TTT	HNX	CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	4.570.210	20%	100%
358	TTZ	HNX	CTCP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung	7.570.444	55%	100%
359	TV2	HNX	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2	12.313.159	45%	100%
360	TV3	HNX	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 3	8.276.066	35%	100%
361	TV4	HNX	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 4	15.770.222	30%	100%
362	TVB	HOSE	CTCP Chứng khoán Trí Việt	24.287.340	25%	100%
363	TVC	HNX	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	40.016.607	80%	100%
364	TVD	HNX	CTCP Than Vàng Danh -	44.962.864	30%	100%
365	TVS	HOSE	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	63.502.375	60%	100%
366	TVT	HOSE	Tổng Công ty Việt Thắng -CTCP	21.000.000	40%	100%
367	TYA	HOSE	CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam	30.679.646	20%	100%
368	UDC	HOSE	CTCP Xây Dựng và Phát Triển Đô Thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	34.706.000	35%	100%
369	UIC	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico	8.000.000	50%	100%
370	UNI	HNX	CTCP Viễn Liên	15.316.032	85%	100%
371	VAT	HNX	CTCP VT Vạn Xuân	4.544.953	95%	100%
372	VBC	HNX	CTCP Nhựa Bao bì Vinh	7.499.972	25%	100%
373	VC3	HNX	CTCP Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3	28.379.461	90%	100%
374	VC7	HNX	CTCP Xây dựng 7	21.999.340	45%	100%
375	VC9	HNX	CTCP xây dựng số 9	11.695.200	50%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
376	VCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.708.877.448	8%	100%
377	VCC	HNX	CTCP Vinaconex 25	12.000.000	50%	100%
378	VCG	HNX	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam	441.710.673	14%	100%
379	VCI	HOSE	CTCP Chứng khoán Bản Việt	162.949.876	70%	100%
380	VCS	HNX	CTCP VICOSTONE	156.800.000	20%	100%
381	VDP	HOSE	CTCP Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA	12.762.504	55%	100%
382	VDS	HOSE	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	100.099.906	35%	100%
383	VE1	HNX	CTCP Xây dựng điện VNECO 1	5.931.280	25%	100%
384	VE9	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	12.523.613	80%	100%
385	VFG	HOSE	CTCP Khử Trùng Việt Nam	31.611.461	50%	100%
386	VGC	HNX	Tổng Công ty Viglacera -CTCP	448.350.000	40%	100%
387	VGS	HNX	CTCP Ống thép Việt Đức VGPIPE	42.111.589	70%	100%
388	VHC	HOSE	CTCP Vĩnh Hoàn	92.403.943	45%	100%
389	VHM	HOSE	CTCP Vinhomes	3.349.513.918	25%	100%
390	VIC	HOSE	Tập Đoàn Vingroup -CTCP	3.191.621.230	30%	100%
391	VID	HOSE	CTCP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông	28.073.939	60%	100%
392	VIG	HNX	CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	34.133.300	95%	100%
393	VIP	HOSE	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco	65.470.941	40%	100%
394	VIS	HOSE	CTCP Thép Việt ý	73.830.393	7%	100%
395	VIT	HNX	CTCP VIGLACERA TIỀN SƠN	19.500.000	50%	100%
396	VIX	HNX	CTCP Chứng khoán IB	100.964.583	60%	100%
397	VJC	HOSE	CTCP Hàng không Vietjet	541.611.334	50%	100%
398	VKC	HNX	CTCP Cáp nhựa Vĩnh Khánh	19.279.000	65%	100%
399	VMC	HNX	CTCP VIMECO	20.000.000	50%	100%
400	VND	HOSE	CTCP Chứng khoán Vndirect	208.565.410	70%	100%
401	VNE	HOSE	Tổng CTCP Xây Dựng Điện Việt Nam	81.934.033	90%	100%
402	VNG	HOSE	CTCP Du Lịch Thành Thành Công	79.190.925	50%	100%
403	VNM	HOSE	CTCP Sữa Việt Nam	1.741.407.855	50%	94,13%
404	VNS	HOSE	CTCP Ánh Dương Việt Nam	67.859.192	40%	100%
405	VOS	HOSE	CTCP Vận Tải Biển Việt Nam	140.000.000	40%	100%
406	VPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	2.456.748.366	70%	100%
407	VPD	HOSE	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	106.589.629	35%	100%
408	VPG	HOSE	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	22.999.993	40%	100%
409	VPH	HOSE	CTCP Vạn Phát Hưng	86.103.449	65%	100%
410	VPI	HOSE	CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest	160.000.000	35%	100%
411	VRC	HOSE	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	50.000.000	100%	100%
412	VRE	HOSE	CTCP Vincom Retail	2.328.818.410	45%	100%
413	VSC	HOSE	CTCP Container Việt Nam	50.112.304	95%	100%
414	VSH	HOSE	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	206.241.246	50%	100%

Stt	Cổ phiếu	Sở giao dịch	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)
415	VSI	HOSE	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	13.199.997	30%	100%
416	VTH	HNX	CTCP Dây cáp điện Việt Thái	5.000.000	30%	100%
417	VTO	HOSE	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	78.866.666	45%	100%
418	WCS	HNX	CTCP Bến xe Miền Tây	2.500.000	40%	100%
419	WSS	HNX	CTCP Chứng khoán Phố Wall	50.300.000	60%	100%
420	YBM	HOSE	CTCP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	12.999.938	80%	100%
421	YEG	HOSE	CTCP Tập đoàn Yeah1	31.279.968	30%	100%